TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2017/DS-PT
Ngày: 22-9-2017
V/v tranh chấp: "*Hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hà
Các Thẩm phán:
1/ Ông Nguyễn Hữu Tuấn
2/ Ông Đặng Văn Lộc

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Bùi Thị Kim Yến - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 90/2017/TLPT-DS ngày 05/7/2017 về việc tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*", do bản án dân sự sơ thẩm số 40/2017/DS-ST ngày 24/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 221/2017/QĐPT-DS ngày 17 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Cao Thị N1 - Sinh năm 1963; nơi cư trú: Số 79, ấp Mỹ Thuận, xã Tân Hội, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Huỳnh Thanh H - Sinh năm 1955; nơi cư trú: Số 86, ấp Mỹ Thuận, xã Tân Hội, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

2.2. Bà Nguyễn Thị N2 - Sinh năm 1955; nơi cư trú: Số 86, ấp Mỹ Thuận, xã Tân Hội, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. NLQ1 - Sinh năm 1981; nơi cư trú: Số 86, ấp Mỹ Thuận, xã Tân Hội, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

3.2. NLQ2 - Sinh năm 1995; nơi cư trú: Số 86, ấp Mỹ Thuận, xã Tân Hội, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

3.3. NLQ3 - Sinh năm 1983; nơi cư trú: Số 10D, ấp Mỹ Thuận, xã Tân

Hội, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

3.4. NLQ4 - Sinh năm 1984; nơi cư trú: Số 86D, ấp Mỹ Thuận, xã Tân Hội, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Cao Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn bà Cao Thị N1 trình bày:

Ngày 13/10/2015, bà Cao Thị N1 có cho ông Huỳnh Thanh H và bà Nguyễn Thị N2 vay số tiền 40.000.000đ, hai bên có làm hợp đồng vay tiền được công chứng tại Văn phòng công chứng Thanh Thanh; thời hạn vay 03 tháng; lãi suất hai bên tự thỏa thuận 5%/tháng; mục đích vay của ông H, bà N2 là để làm ăn. Khi vay tiền, ông H, bà N2 có thế chấp cho bà N1 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 249, tờ bản đồ 36, diện tích 44,8m^2, tọa lạc tại ấp Mỹ Thuận, xã Tân Hội, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, do Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Long cấp cho hộ bà Nguyễn Thị N2; tại thời điểm thế chấp bà N2 và các con là NLQ1, NLQ2, NLQ3 và NLQ4 cùng ký hợp đồng ủy quyền cho ông H để làm thủ tục thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N1; việc thế chấp được hai bên thỏa thuận và đúng quy định của pháp luật. Sau khi vay, ông H, bà N2 đã đóng lãi cho bà N1 được 5.500.000đ; hết hạn vay, ông H và bà N2 chưa trả vốn gốc cho bà N1. Ngày 23/3/2016, ông H, bà N2 đã trả được 10.000.000đ; ngày 28/4/2016, ông H, bà N2 trả tiếp được 10.000.000đ. Ông H, bà N2 còn nợ tiền gốc là 20.000.000đ, tiền lãi trong hạn và quá hạn lãi tính đến ngày khởi kiện 24/10/2016 là 4.185.000đ (trong đó tiền lãi trong hạn là 500.000đ) và tiền lãi quá hạn theo mức lãi suất Nhà nước quy định kể từ ngày 25/10/2016 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Do đó, bà N1 yêu cầu ông H, bà N2 và các con là NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ4 cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà N1 số tiền còn nợ; nếu ông H, bà N2, NLQ1, NLQ2, NLQ3 và NLQ3 không trả được nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất để thu hồi nợ cho bà N1.

* Bị đơn ông Huỳnh Thanh H, bà Nguyễn Thị N2 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ1, NLQ2, NLQ3 và NLQ4 đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn không đến Tòa án theo thông báo, không có văn bản nêu ý kiến.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 40/2017/DS-ST ngày 24/5/2017, Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

1. Về nội dung:

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị N1.

Buộc ông Huỳnh Thanh H, bà Nguyễn Thị N2 và NLQ1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Cao Thị N số tiền 20.170.000đ (Hai mươi triệu một trăm bảy mươi ngàn đồng), trong đó: tiền gốc 20.000.000đ; tiền lãi 170.000đ.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Cao Thị N:

- Về yêu cầu buộc trách nhiệm liên đới đối với NLQ2, NLQ3 và NLQ4 phải trả nợ cho Bà.

- Về tiền lãi suất vượt quá quy định của pháp luật tương ứng số tiền 6.105.000đ.

- Trường hợp ông H, bà N2 và NLQ1 không trả được nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho bà N1.

1.3. Bà N1 có nghĩa vụ phải trả lại bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 249, tờ bản đồ 36, diện tích 44,8m^2, tọa lạc ấp Mỹ Thuận, xã Tân Hội, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long cấp cho hộ bà Nguyễn Thị N2.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng khác, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 07/6/2017, nguyên đơn bà Cao Thị N1 kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 40/2017/DS-ST ngày 24/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết các vấn đề sau:

+ Yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của phía bị đơn;

+ Đưa tất cả các người con của ông H, bà N2 gồm có NLQ1, NLQ2, NLQ3 và NLQ4 vào vòng tố tụng để đảm bảo việc thi hành án đối với tài sản là đất của hộ gia đình;

+ Không điều chỉnh lãi thỏa thuận, theo nguyên tắc tự nguyện của đôi bên, vì bên bị đơn không có yêu cầu tính lại lãi suất theo quy định của pháp luật. Chấp nhận số tiền lãi phải trả cho nguyên đơn là 4.185.000đ và được tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bà Cao Thị N vẫn giữ nguyên các yêu cầu kháng cáo; đồng thời, bà xác định rõ các yêu cầu kháng cáo của bà như sau: Yêu cầu các con ông H, bà N2 gồm NLQ1, NLQ2, NLQ3 và NLQ4 liên đới cùng ông H và bà N2 trả cho bà N1 số tiền còn nợ gồm tiền gốc 20.000.000đ, tiền lãi tính theo mức lãi suất 1,125%/tháng kể từ ngày 23/3/2016 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 24/5/2017; yêu cầu không điều chỉnh lãi thỏa thuận và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa số 249, tờ bản đồ 36, diện tích 44,8m^2, tọa lạc ấp Mỹ Thuận, xã Tân Hội, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long cấp cho hộ bà Nguyễn Thị N2 để thu hồi nợ.

- Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

+ Về thủ tục: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không lý do.

+ Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm; nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

Do hợp đồng vay tiền ngày 13/10/2015 giữa bà Cao Thị N1 và ông Huỳnh Thanh H đang được thực hiện mà có nội dung giao dịch về lãi suất khác với quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Xét các yêu cầu kháng cáo của bà Cao Thị N1:

- Đối với yêu cầu buộc tất cả các con của ông Huỳnh Thanh H và bà Nguyễn Thị N2 liên đới cùng ông H và bà N2 trả cho bà N1 số tiền còn nợ, xét thấy:

Ngày 13/10/2015, bà Nguyễn Thị N2, NLQ1, NLQ2, NLQ3 và NLQ4 có ký hợp đồng ủy quyền công chứng ngày 13/10/2015; mục đích ủy quyền là để ông Huỳnh Thanh H thay mặt bà N2, NLQ1, NLQ2, NLQ3 và NLQ4 thế chấp quyền sử dụng đất của hộ bà N2 để đảm bảo nghĩa vụ cho ông H hoặc bên thứ ba chứ không phải để ông H đứng ra vay tiền của bà N1 nhưng ngày 13/10/2015, ông H lại đại diện cho các thành viên trong hộ bà N2 ký Hợp đồng vay tiền với bà N1. Việc đại diện của ông H trong trường hợp này là vượt quá phạm vi ủy quyền theo hợp đồng ủy quyền ngày 13/10/2015. Mặc dù bà N2 và NLQ1 không ủy quyền cho ông H vay tiền của bà N1 nhưng theo biên nhận nhận tiền ngày 13/10/2015 thì bà N1 và NLQ1 có tham gia nhận tiền vay với ông H nên bản án sơ thẩm xác định ông H, bà N2 và NLQ1 có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà N1 là có căn cứ. Đối với NLQ2, NLQ3 và NLQ4, do những người này không có ủy quyền cho ông H vay tiền của bà N1, cũng không có nhận tiền vay của bà N1, còn bà N1 cũng không có chứng cứ gì để chứng minh NLQ2, NLQ3 và NLQ4 có vay của bà N1 nên NLQ2, NLQ3 và NLQ4 không có nghĩa vụ liên đới cùng với ông H, bà N2 và NLQ1 trả nợ cho bà N1 theo quy định tại

Điều 281 và Điều 298 của Bộ luật dân sự năm 2005. Do đó, bản án sơ thẩm không buộc NLQ2, NLQ3 và NLQ4 trả nợ cho bà N1 là có căn cứ.

- Đối với yêu cầu về việc không điều chỉnh lãi thỏa thuận, xét thấy:

Việc thỏa thuận lãi suất vay của bà N1 và ông H dựa trên nguyên tắc tự do giao kết hợp đồng, tự nguyện thỏa thuận nhưng các bên thỏa thuận mức lãi suất vay 5%/tháng là vượt mức lãi suất vay quy định tại khoản 1 Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 nên phần lãi suất vượt mức quy định là trái pháp luật, cần phải được điều chỉnh lại cho phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, việc bản án sơ thẩm điều chỉnh lãi suất thỏa thuận là có căn cứ; xét thấy, bản án sơ thẩm đã tính lãi trong hạn và lãi quá hạn với cùng một mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 là có lợi cho bà N1 nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo trên của bà N1.

- Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, xét thấy:

Việc thế chấp quyền sử dụng đất giữa ông H (đại diện hộ bà Nguyễn Thị N2) và bà N1 được ghi trong hợp đồng vay tiền ngày 13/10/2015, được công chứng cùng ngày là phù hợp với quy định tại các điều 342, 343, 689 và 715 của Bộ luật dân sự năm 2005; phù hợp với điểm a khoản 3 Điều 167 và điểm g khoản 1 Điều 179 của Luật đất đai năm 2013. Tuy nhiên, do việc thế chấp quyền sử dụng đất này chưa được đăng ký tại cơ quan đăng ký đất đai theo quy định tại khoản 3 Điều 188 của Luật đất đai năm 2013 nên việc thế chấp này chưa có hiệu lực. Do việc thế chấp này chưa có hiệu lực nên không có cơ sở để xử lý tài sản thế chấp theo yêu cầu kháng cáo của bà N1.

Từ những phân tích trên cho thấy các yêu cầu kháng cáo của bà Cao Thị N1 là không có cơ sở để chấp nhận nên Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 40/2017/DS-ST ngày 24/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

[3] Về án phí:

Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà N1 nên bà N1 phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Cao Thị N1.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 40/217/DS-ST ngày 24/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng các điều 298, 471, 474, 476, 342, 343, 689 và 715 của Bộ luật dân sự năm 2005; điểm a khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm

a khoản 3 Điều 167, điểm g khoản 1 Điều 179 và khoản 3 Điều 188 của Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Về nội dung:

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị N1. Buộc ông Huỳnh Thanh H, bà Nguyễn Thị N2 và NLQ1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Cao Thị N1 số tiền 20.170.000đ (Hai mươi triệu một trăm bảy mươi ngàn đồng), trong đó: tiền gốc là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) và tiền lãi là 170.000đ (Một trăm bảy mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị N1 về việc:

- Về yêu cầu buộc NLQ2, NLQ3 và NLQ4 có nghĩa vụ liên đới cùng ông Huỳnh Thanh H, bà Nguyễn Thị N2 và NLQ1 trả nợ cho bà N1.

- Về số tiền lãi theo mức lãi suất vượt quá quy định của pháp luật, tương ứng số tiền 6.105.000đ (Sáu triệu một trăm lẻ năm ngàn đồng).

- Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa số 249, tờ bản đồ 36, diện tích 44,8m^2, tọa lạc ấp Mỹ Thuận, xã Tân Hội, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long để thu hồi nợ cho bà N1.

1.3. Bà Cao Thị N1 có nghĩa vụ trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 719185 đối với thửa đất số 249, tờ bản đồ 36, diện tích 44,8m^2, tọa lạc ấp Mỹ Thuận, xã Tân Hội, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, do Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Long cấp cho hộ bà Nguyễn Thị N2 vào ngày 10/9/2014.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Cao Thị N1 phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà bà N1 đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long theo biên lai thu số 002648 ngày 07/6/2017; bà N1 đã nộp đủ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh VL;
- TAND Tp. Vĩnh Long;
- Chi cục THADS Tp. Vĩnh Long;
- Đương sự;
- Lưu: Tòa Dân sự, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hồng Hà